TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN LÃNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HS-ST
Ngày 31-5-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Chi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Tiến;

Ông Nguyễn Văn Nhòng.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Kim Liên, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Nguyện, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2018/TLST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh ngày 13 tháng 12 năm 1983 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới T: Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955 và bà Trần Thị M, sinh năm 1958; có vợ là Nguyễn Thị X, sinh năm 1989 và 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 119/2010/HSST ngày 02/7/2010, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương đã xử phạt T 12 tháng tù về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ theo khoản 1 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được xóa án tích) và tại Bản án số 132/2010/HSST ngày 09/9/2010, Tòa án nhân dân thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh đã xử phạt T 04 tháng tù về tội Bắt giữ người trái pháp luật (đã được xoán án tích); bị tạm giữ từ ngày 21/01/2018 đến ngày 30/01/2018 được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt;

2. Đỗ Văn D, sinh ngày 01/01/1973 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 7/10 ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới T: Nam; con ông Đỗ Văn T và bà Hoàng Thị C (đều đã chết); có vợ là Phạm Thị M, sinh năm 1976 và 02 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2010/HSST ngày 27/6/2013, Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng đã xử phạt D 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc, theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được xóa án tích); bị tạm giữ từ ngày 21/01/2018 đến ngày 30/01/2018 được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt;

3. Nguyễn Văn C, sinh ngày 06/8/1969 tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới T: Nam; con ông Nguyễn Văn N và bà Hoàng Thị T (đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị M, sinh năm 1975 và 02 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không có; bị tạm giữ từ ngày 21/01/2018 đến ngày 30/01/2018 được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt;

4. Phạm Văn T, sinh ngày 14/12/1974 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới T: Nam; con ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1938 và bà Hà Thị T, sinh năm 1943; có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1974 và 03 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không có; bị tạm giữ từ ngày 21/01/2018 đến ngày 30/01/2018 được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt;

5. Phạm Văn Q (tên gọi khác: Phạm Văn L), sinh ngày 20/11/1969 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 5/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới T: Nam; con ông Phạm Văn L và bà Hoàng Thị A (đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị N, sinh năm 1973 và 04 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không có; bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/01/2018, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 20/01/2018, Nguyễn Văn M, sinh năm 1963; Trần Sỹ B, sinh năm 1974; Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 cùng ở thôn T, xã Đ, huyện Tiên Lãng; Phạm Văn P, sinh năm 1976 ở thôn T, xã Đ cùng với Phạm Văn T, Nguyễn

Văn T, Đỗ Văn D, Nguyễn Văn C đến nhà Phạm Văn Q ở thôn T, xã Đ thăm mẹ Q đang bị ốm nặng. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, những người này chia làm hai nhóm rủ nhau đánh "chắn" và đánh "phỏm" được thua bằng tiền tại nhà Q. Q đồng ý cho các đối tượng đánh "chắn", đánh "phỏm" tại nhà mình nhưng không yêu cầu các đối tượng phải nộp tiền.

Những người đánh "phỏm" gồm D, C, T và T. Những người chơi sử dụng bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân, có sẵn ở nhà Q để chơi và quy ước với nhau: Nếu có người ù thì những người còn lại sẽ phải trả cho người ù 50.000 đồng, không có ai ù thì người về thứ nhất được người về thứ 2, thứ 3 và thứ tư trả cho số tiền lần lượt là 10.000 đồng, 20.000 đồng và 30.000 đồng; nếu người nào không có "phỏm" thì phải trả cho người về thứ nhất là 40.000 đồng. Khi người nào bị người khác "ăn" được một quân bài thì người bị "ăn" phải bỏ ra 10.000 đồng, gọi là tiền "gà"; người ù sẽ được toàn bộ số tiền gà đó và bỏ ra cạnh chiếu bạc 20.000 đồng, để sau khi kết thúc sẽ cho chủ nhà.

Những người đánh "chắn" gồm M, B, T và P. Những người chơi dùng 01 bộ bài chắn gồm 100 quân, 01 đĩa sứ có sẵn ở nhà Q để chơi và quy ước với nhau mức ù thấp nhất là 30.000 đồng, mức ù cao nhất là 120.000 đồng. Trong quá trình đánh chắn, anh Trần Văn C, sinh năm 1985 ở thôn T, xã Đ ngồi xem, khoảng 22 giờ B có nhờ anh C cầm bài giúp.

Những người trên đánh "chắn", đánh "phỏm" đến khoảng 22 giờ 30 phút ngày 20/01/2018 thì bị Công an huyện Tiên Lãng bắt quả tang, thu giữ tại chỗ đánh phỏm 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân, 7.380.000 đồng (trong đó có 800.000 đồng tiền 'gà" và 120.000 đồng tiền để ra ngoài sẽ cho chủ nhà sau khi kết thúc việc đánh phỏm; thu giữ trên người Đỗ Văn D 5.015.000 đồng, Nguyễn Văn C 3.012.000 đồng và Nguyễn Văn T 10.000 đồng; thu giữ tại chỗ đánh "chắn" 01 bộ bài chắn 100 quân và 4.110.000 đồng, riêng chiếc đĩa sứ cơ quan điều tra không thu hồi được.

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKS ngày 17/4/2018, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng đã truy tố Nguyễn Văn T, Đỗ Văn D, Phạm Văn T, Nguyễn Văn C và Phạm Văn Q về tội Đánh bạc, theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, Nguyễn Văn T, Đỗ Văn D, Nguyễn Văn C và Phạm Văn T đều khai nhận hành vi đánh "phỏm" được thua bằng tiền như nêu trên. Cụ thể: T khai trước khi đánh phỏm có sử dụng 2.140.000 đồng để đánh phỏm, khi đánh bị thua 830.000 đồng; T khai có khoảng 2.000.000

đồng để đánh phỏm, khi đánh bị thua 720.000 đồng; Chín có khoảng 4.000.000 đồng để đánh phỏm, khi đánh thì thắng 500.000 đồng; D khai có mang theo 5.600.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 600.000 đồng để đánh phỏm, còn lại 5.015.000 đồng là tiền để mua thức ăn chăn nuôi, không sử dụng để đánh phỏm và khi đánh thì thắng khoảng 1.860.000 đồng. Phạm Văn Q khai, vì gia đình phải trông mẹ đang ốm nặng và do cả nể nên đã cho các bị cáo và những người khác đánh phỏm, đánh chắn tại nhà mình nhưng Q không thu bất cứ khoản tiền nào.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội khẳng định: Cáo trạng số 12/CT-VKS ngày 17/4/2018, truy tố các bị cáo về tội Đánh bạc là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội. Căn cứ tính chất hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo. Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với các bị cáo: Khoản 1 Điều 321, khoản 1 Điều 17, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 đối với các bị cáo Phạm Văn T, Nguyễn Văn C và Phạm Văn Q; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 đối với các bị cáo T, Chín và Q. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Đỗ Văn D, Phạm Văn T, Nguyễn Văn C và Phạm Văn Q đồng phạm tội Đánh bạc và xử phạt: Các bị cáo T, D mỗi bị cáo từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ; các bị cáo C, T mỗi bị cáo từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ và bị cáo Q từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian các bị cáo T, D, T và C bị tạm giữ được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Các bị cáo đều là lao động tự do, có thu nhập thấp, điều kiện kinh tế khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo. Về vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 47 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Tịch thu và tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 10.582.000 đồng, trả lại Đỗ Văn D 5.015.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tiên Lãng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự; các bị cáo và những người

tham gia tố tụng không ai có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

- Về nội dung:

[2] Về tội danh và hình phạt: Xét thấy, lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Văn T, Đỗ Văn D, Nguyễn Văn C, Phạm Văn T và Phạm Văn Q là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng thu được và phù hợp với biên bản phạm tội quả tang. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh "phỏm" được thua bằng tiền của Nguyễn Văn T, Đỗ Văn D, Nguyễn Văn C và Phạm Văn T vào ngày 20/01/2018, với số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 10.582.000 đồng, đã đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Phạm Văn Q tuy không trực tiếp đánh bạc, nhưng Q đồng ý để cho các bị cáo T, D, C và T đánh bạc trái phép tại nhà ở thuộc sở hữu của mình, nên đã đồng phạm tội Đánh bạc với các bị cáo này và phải chịu trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, làm ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn minh xã hội chủ nghĩa. Do đó, đối với các bị cáo cần phải xử lý bằng pháp luật hình sự mới có tác dụng giáo dục các bị cáo cũng như phòng ngừa chung.

[4] Xét về vai trò của các bị cáo: Vụ án có nhiều đồng phạm tham gia song không có sự bàn bạc, phân công giữa các đồng phạm nên đây là vụ án đồng phạm thông thường. Tuy nhiên, cần phải thấy rằng, bị cáo C là người sử dụng số tiền đánh bạc lớn nhất, tiếp đến là bị cáo T và bị cáo T, bị cáo D là người sử dụng số tiền để đánh bạc thấp nhất; bị cáo Q không trực tiếp đánh bạc nhưng đồng ý cho các bị cáo khác đánh bạc tại nhà mình, không thu lợi bất chính nên giữ vai trò giúp sức và mang T thứ yếu.

[5] Xét về nhân thân: Các bị cáo Phạm Văn T, Nguyễn Văn C và Phạm Văn Q không có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; các bị cáo D có 01 tiền án về tội Đánh bạc, T có 01 tiền án về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ và 01 tiền án về tội Bắt giữ người trái pháp luật, nhưng các tiền án của T và D đều đã được xóa án tích. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo ăn năn, hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51; bị cáo Q sau khi phạm tội đã ra đầu thú; bị cáo T có anh ruột, bị cáo C có bố đẻ là những người có công với nước nên Q, Chín

và T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Xét thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo là ít nghiêm trọng, đồng phạm mang T giản đơn; các bị cáo T, C và Q có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội và được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ; bị cáo T và D tuy đã có tiền án nhưng đều đã được xóa án tích nhiều năm, ngoài lần phạm tội này, D, T không có vi phạm pháp luật nào khác, chấp hành tốt quy định của địa phương. Các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, Hội đồng xét xử cho rằng không nhất thiết phải áp dụng hình phạt cách ly mà nên áp dụng Điều 36 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, cho các bị cáo được cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của gia đình và chính quyền địa phương cũng đảm bảo mục đích của hình phạt. Tuy nhiên, các bị cáo D và T có nhân thân không tốt nên phải chịu hình phạt cáo hơn bị cáo C; tiếp đến là bị cáo T và sau cùng là bị cáo Q. Thời gian các bị cáo T, D, T và C bị tạm giữ được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo có điều kiện kinh tế khó khăn (đã được Uỷ ban nhân dân xã nơi cư trú xác nhận). Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về các biện pháp tư pháp: Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, người bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ phải bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05 đến 20% để sung quỹ Nhà nước. Nhưng xét thấy, các bị cáo đều là lao động tự do, thu nhập thấp, không ổn định và có điều kinh tế khó khăn nên miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

Trong vụ án này, ngoài các bị cáo đánh phỏm đã bị truy tố, xét xử còn có Nguyễn Văn M, Trần Sỹ B, Nguyễn Văn T, Phạm Văn P và Trần Văn C đã có hành vi đánh chắn được thua bằng tiền, nhưng số tiền những người này sử dụng vào đánh bạc dưới mức 5.000.000 đồng. Do đó, cơ quan điều tra đã xử phạt hành chính (phạt tiền) đối với M, S, T và P; đồng thời tịch thu tiêu hủy các dụng cụ và tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền mà những người này sử dụng vào việc đánh bạc là đúng quy định của pháp luật.

[9] Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã tạm giữ 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân và 15.597.000 đồng. Xét thấy, bộ bài tú lơ khơ các bị cáo sử dụng để đánh bạc, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu và tiêu hủy. Riêng số tiền 15.597.000 đồng, trong đó có 5.015.000 đồng của bị cáo Đỗ Văn D nhưng bị cáo không sử dụng vào việc đánh bạc nên trả lại cho D; còn lại 10.582.000 đồng, các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc nên căn cứ khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015

sửa đổi, bổ sung năm 2017 và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, cần phải tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[10] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; Điều 6 và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo mỗi người phải chịu 200.000 đồng, án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, khoản 1 Điều 17, Điều 36, khoản 1 Điều 47, Điều 58, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 và Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Điều 6 và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Đỗ Văn D, Nguyễn Văn C, Phạm Văn T và Phạm Văn Q (tên gọi khác: Phạm Văn L) đồng phạm tội Đánh bạc.

2. Xử phạt các bị cáo:

- Nguyễn Văn T 24 (Hai mươi tư) tháng cải tạo không giam giữ, trừ cho T 09 ngày bị tạm giữ bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ, T còn phải chấp hành 23 (Hai mươi ba) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ;

- Đỗ Văn D 24 (Hai mươi tư) tháng cải tạo không giam giữ, trừ cho D 09 ngày bị tạm giữ bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ, D còn phải chấp hành 23 (Hai mươi ba) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ;

- Nguyễn Văn C 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, trừ cho Chín 09 ngày bị tạm giữ bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ, Chín còn phải chấp hành 17 (mười bẩy) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ;

- Phạm Văn T 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, trừ cho T 09 ngày bị tạm giữ bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ, T còn phải chấp hành 14 (mười bốn) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ;

- Phạm Văn Q 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ T từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục những người bị kết án nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

Giao Nguyễn Văn T, Đỗ Văn D, Nguyễn Văn C, Phạm Văn T và Phạm Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục.

3. Về vật chứng: Tịch thu và tiêu hủy 01 (một) bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân; tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 10.582.000 (mười triệu năm trăm tám mươi hai nghìn) đồng; trả lại Đỗ Văn D 5.015.000 (năm triệu không trăm mười lăm nghìn) đồng. Toàn bộ vật chứng có đặc điểm như biên bản thu giữ, đã được bàn giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng.

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Đỗ Văn D, Nguyễn Văn C, Phạm Văn T và Phạm Văn Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Đỗ Văn D, Nguyễn Văn C, Phạm Văn T và Phạm Văn Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Tiên Lãng;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Tiên Lãng;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- Các bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Đức Chi